TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Lợi.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Phan Thị Thiện
2- Ông Trần Dương Điềm.
- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Xuân Đại - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 11/12/2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Cao Thị Hoàng O, sinh năm 1988
HKTT: TPD9, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: Đường M, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành N, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2017)
Địa chỉ: Đường Ô, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk.
*** Bị đơn**: Ông Y S Bkrông, sinh năm 1976
Bà H'L Niê, sinh năm 1967
Ông Y R Niê, sinh năm 1990
Bà H' Ô Niê, sinh năm 1997
Bà H'Đ Niê, sinh năm 1999
Cùng địa chỉ: Buôn E, xã Ê, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thành N trình bày như sau:**

Ngày 30/11/2016 ông Y S Bkrông cùng vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê có vay của bà O số tiền 105.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu V 545114, thửa đất số 75, tờ bản

đồ số 45, diện tích 2.782m^2 do UBND huyện K cấp ngày 09/02/2002 đứng tên hộ ông Y S Bkrông. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 20 ngày, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Phía Y S Bkrông còn cam kết nếu không thanh toán nợ thì bà O được quyền sử dụng diện tích đất nói trên. Khi vay có lập hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) để chuộc bìa đỏ, các bên nhờ ông H viết hộ (ông H là người quen biết của bà O hiện nay ông H đang ở đâu thì bà O không biết), sau khi viết xong ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê đã ký vào xác nhận bên vay tiền.

Đến hạn, bà O đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê vẫn chưa trả khoản tiền gốc và lãi nào cho bà O. Do đó bà O khởi kiện, yêu cầu ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê trả cho bà O số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và lãi suất cơ bản theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với lời trình bày của phía bị đơn cho rằng bà O đang giữ bìa đỏ, hộ khẩu và chứng minh nhân dân của gia đình ông Y S Bkrông và cam đoan không đưa cho ai để vay mượn hoặc thế chấp gì.

*** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, đối chất đồng bị đơn ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê trình bày như sau:**

Gia đình tôi có vay của Ngân hàng F - Chi nhánh tỉnh Đ số tiền 100.000.000 đồng, đến hạn trả nợ vào năm 2016 do không trả được nên chúng tôi phải mượn tiền của ông V (không rõ họ tên, địa chỉ hiện nay ở đâu) số tiền 105.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng F lấy bìa đỏ.

Đến ngày 30/11/2016 gia đình chúng tôi gồm ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê đã vay của bà O số tiền 105.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V đang giữ. Thời hạn trả nợ là 20 ngày, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Khi vay có ông H (người quen của bà O) là người đứng ra viết giấy vay, gia đình tôi đều ký xác nhận bên vay tiền là đúng thực tế.

Khi thực hiện hợp đồng bà O đã đưa tiền cho ông V và giữ bìa đỏ, hộ khẩu và chứng minh nhân dân của các thành viên trong gia đình của gia đình tôi cho đến nay vẫn chưa trả lại. Chúng tôi xác định việc giao giấy tờ cho bà O thì giữa các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản, có ông Y B là họ hàng của gia đình tôi chứng kiến (hiện nay ông Y B đang ở Hà Nội, không rõ địa chỉ cụ thể). Ngoài ra không còn ai khác chứng kiến.

Nếu bà O không giữ các giấy tờ của gia đình tôi thì phải ghi nhận vào biên bản là không giữ các giấy tờ nói trên của gia đình tôi và cam kết không sử dụng giấy tờ của gia đình tôi để thực hiện giao dịch gì khác. Chúng tôi đồng ý trả nợ cho bà O nhưng bà O phải trả lại các giấy tờ đã giữ của chúng tôi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin trình bày quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi HĐXX tiến hành nghị án, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đồng bị đơn vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đồng bị đơn.

Về nội dung: Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng O.

Buộc ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê phải trả cho bà Cao Thị Hoàng O số tiền gốc 105.000.000 đồng và lãi suất cơ bản theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Xác định quan hệ pháp luật là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Về nội dung:

Ngày 30/11/2016 bà Cao Thị Hoàng O có cho ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê vay số tiền 105.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 545114, thửa đất số 75, tờ bản đồ số 45, diện tích 2.782m^2 do UBND huyện Cư Kuin cấp ngày 09/02/2002 đứng tên hộ ông Y S Bkrông. Thời hạn vay là 20 ngày, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Khi vay có viết giấy vay tiền để chuộc bìa đỏ, các bên nhờ ông H viết dùm, gia đình ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê đã ký xác nhận việc vay tiền nói trên là đúng thực tế. Đến hạn, bà O đã đòi nợ nhiều lần nhưng gia đình ông Y S Bkrông vẫn chưa trả nợ do đó bà O khởi kiện, yêu cầu ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê phải trả cho bà O

số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là hoàn toàn đúng đắn.

Về lãi suất: Khi vay tiền các bên có thoả thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả nợ nên cần áp dụng khoản 4 Điều 474 BLDS để tính lãi suất. Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 là 9%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án (ngày 27/4/2018) là 512 ngày, được tính như sau:

(105.000.000 đồng x 512 ngày x 0,75%) : 30 ngày = 13.440.000 đồng

Xét phía đồng bị đơn cho rằng bà O đang giữ giấy chứng nhận QSD đất, hộ khẩu, chứng minh nhân dân của gia đình ông Y S Bkrông nhưng phía bà O không thừa nhận còn phía ông Y S Bkrông không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Về án phí :

ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 BLDS 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng O

Buộc ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Cao Thị Hoàng O số tiền 105.000.000 đồng gốc và 13.440.000 đồng lãi suất.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Về án phí:

ông Y S Bkrông, vợ là bà H' L Niê và các con là ông Y R Niê, bà H' Ô Niê, bà H' Đ Niê phải chịu 5.922.000 đồng án phí DSST.

Bà Cao Thị Hoàng O được nhận lại số tiền 2.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2017/0001272 ngày 08/12/2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đồng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục T.H.A huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ LỢI